

Bản án số: 81/2023/HS-ST
Ngày: 15-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Văn Thông
- Ông Lê Quang Diệu
- Ông Nguyễn Thanh Tây

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: **Tạ Văn Ú**, sinh năm 1977 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Tạ Văn D, sinh năm 1944 và bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1944; có vợ tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978 (đã ly hôn), có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2023 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Tạ Văn Ú: Ông Đỗ Thành T là Luật sư Văn phòng Luật sư Đỗ Thành T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L, có mặt.

- Bị hại: Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Tạ Thị Huỳnh N, sinh năm 2000. Nơi thường trú: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Nơi tạm trú: Số B, đường P, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1967, vắng mặt.
2. Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1968, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2021, Tạ Văn Ú và Phạm Thị D1 có mối quan hệ tình cảm nam nữ với nhau. Ú và D1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Khoảng 16 giờ ngày 08/01/2023, Ú đi đến khu vực ngã ba A thuộc huyện C, tỉnh Tiền Giang rước Dúng về nhà của Ú tại Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An để đi hỏi vợ cho con ruột tên Tạ Hoàng P. Về đến nhà, D1 đi vào khu vực nhà bếp lấy nồi cơm đem rửa, trong lúc ngồi rửa nồi cơm, Ú và D1 xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại với nhau. D1 nói “Ú gọi điện thoại cho người phụ nữ khác”, Ú trả lời “Ú gọi điện thoại cho con trai của Ú, chứ không có gọi điện thoại cho người phụ nữ khác”, D1 không tin nên giữa Ú và D1 tiếp tục cự cãi với nhau. Do tức giận nên Ú dùng tay phải đánh vào phía sau gáy của D1 hai cái. Lúc này, Ú và D1 giằng co qua lại với nhau, Ú kéo Dúng vào nhà vệ sinh và cùng thời điểm này, Ú dùng tay phải cầm lấy 01 con dao (loại dao rựa) dài 60 cm, cán bằng gỗ tròn dài 34 cm có đường kính 03 cm, lưỡi bằng kim loại dài 26 cm, đầu có móc nhọn để trên sàn bếp gas mang theo. Khi vào trong nhà vệ sinh, D1 ngồi trên nền nhà vệ sinh, còn Ú đứng đối diện hơi lệch về phía bên tay trái của D1 khoảng 50 cm. Ú dùng tay trái nắm lấy búi tóc của D1 và dùng tay phải của Ú đang cầm con dao chém nhiều cái vào người của D1 theo hướng từ trên xuống, từ phải sang trái làm trúng vào vùng cổ, vai, sau tai, mặt và sau lưng của D1. Khi đó, D1 đưa hai tay lên vùng cổ để đỡ nên bị Ú chém trúng vào hai tay. Thấy D1 bị chảy nhiều máu, Ú vứt bỏ con dao ra chỗ rửa chén tại khu vực nhà bếp, rồi Ú tiếp tục dùng hai tay đánh vào vùng mặt và đầu của D1 làm cho D1 ngất xỉu nằm bất tỉnh trong nhà vệ sinh. Thấy vậy, Ú không đánh D1 nữa mà bỏ đi ra ngoài. Khoảng 10 phút sau, D1 tỉnh dậy bỏ chạy ra ngoài kêu cứu và được mọi người đưa đến bệnh viện cấp cứu, điều trị thương tích. Sau khi xảy ra sự việc, Ú đã bỏ trốn khỏi địa phương và vào ngày 27/02/2023, Ú đến Công an huyện T, tỉnh Long An đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 70 ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo vết thương vùng mặt phải, kích thước trung bình có tỷ lệ 06%; 01 sẹo sau tai phải kích thước trung bình có tỷ lệ 02%; 01 sẹo vùng trước cổ, kích thước trung bình có tỷ lệ 04% và kích thước nhỏ có tỷ lệ 02%; 01 sẹo vai phải kích thước lớn có tỷ lệ 03%; 07 sẹo vết thương vùng lưng kích thước nhỏ, lành tốt (HSAB) có tỷ lệ 07%; 01 sẹo 1/3 giữa cánh tay trái,

kích thước lớn có tỷ lệ 03%; 02 sẹo vết thương vùng 1/3 dưới mặt sau cẳng tay phải kích thước trung bình có tỷ lệ 02% và kích thước nhỏ có tỷ lệ 01%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Thị D1 là 26%.

Tại Công văn số 168/TTPY-GĐTH ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L về việc cung cấp thông tin về kết luận giám định như sau: Dựa trên tóm tắt nội dung sự việc, hồ sơ bệnh án và khám lâm sàng với những vết thương để lại sẹo vết thương trên cơ thể Phạm Thị D1 có khả năng là do vật có đầu nhọn, cạnh sắc bén gây nên. Với những vết thương trên cơ thể Phạm Thị D1, nếu không được cấp cứu kịp thời thì có thể dẫn đến tử vong do sốc chấn thương.

Tại Kết luận giám định AND số 3.003A-2023 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm pháp y Thành phố H kết luận như sau: AND của Tạ Văn Ú có hiện diện trong dấu vết trên cán dao.

Tại Kết luận giám định AND số 3.003B-2023 ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Trung tâm pháp y Thành phố H kết luận như sau: AND của Phạm Thị D1 có hiện diện trong mẫu vết nâu đỏ trên mũi dao.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ vật chứng: 01 (một) con dao (rựa) dài 60 cm; cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 34 cm, đường kính 03 cm; lưỡi bằng kim loại cong về phần lưỡi dài 26 cm, đầu có móc nhọn. Vật chứng hiện Cục thi hành án Dân sự tỉnh Long An đang quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị D1 yêu cầu Tạ Văn Ú bồi thường thiệt hại với số tiền 103.800.000 đồng. Tạ Văn Ú đã tích cực tác động con ruột là Tạ Thị Huỳnh N bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng; Bà D1 yêu cầu Tạ Văn Ú tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 43.800.000 đồng. Chị Như k yêu cầu Ú trả lại số tiền đã bồi thường cho bà D1.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số 67/CT-VKSLA-P2 ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo Tạ Văn Ú về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo Tạ Văn Ú đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và xác định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo không có khiếu nại về Kết luận giám định pháp y về thương tích, giám định AND, đồng thời không khiếu nại gì về cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra bị cáo tự nguyện khai báo, không bị ép cung hay nhục hình trong khi khai báo.

Bị hại Phạm Thị D1 có yêu cầu về trách nhiệm hình sự là đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự thì đề nghị bị cáo bồi thường số tiền 103.800.000 đồng gồm điều trị vết thương 20.200.000 đồng, tiền xe 5.600.000 đồng, tiền thăm mỹ vết thương 15.000.000 đồng; tiền mất thu nhập 20.000.000

đồng; tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng; tiền thẩm mỹ vết thương ở mũi là 33.000.000 đồng. Con của bị cáo là Tạ Thị Huỳnh N đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng. Bà D1 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 43.800.000 đồng.

- Chị Tạ Thị Huỳnh N trình bày: Chị là con ruột của ông Tạ Văn Ú. Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo có tác động chị bồi thường cho bị hại là 60.000.000 đồng. Đối với số tiền này, chị N không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật. Đồng thời, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Văn Ú phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 57; Điều 38; Điều 50; Điều 54; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Văn Ú từ 07 năm đến 09 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao (rựa) dài 60 cm; cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 34 cm, đường kính 03 cm; lưỡi bằng kim loại cong về phần lưỡi dài 26 cm, đầu có móc nhọn, là hung khí bị cáo dùng để phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 43.800.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đối với bị hại, nên thống nhất với tội danh và điều luật theo Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết là bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nửa chừng thì dừng lại không thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, do đó hành vi của bị cáo không nhằm mục đích tước đoạt mạng sống của bị hại. Trong quá trình điều tra, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi phạm tội có đầu thú, tại phiên tòa bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định các điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phạm tội chưa đạt nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 15 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức thấp nhất, để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của mình gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, các người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bị cáo Tạ Văn Ú khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước tòa, thể hiện: Khoảng 16 giờ ngày 08/01/2023, Tạ Văn Ú rước Phạm Thị D1 về nhà của Ú tại Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An để đi hỏi vợ cho con. Tại đây, Ú và D1 xảy ra mâu thuẫn trong lời qua tiếng lại với nhau nên Ú dùng tay phải đánh vào phía sau gáy của D1 hai cái. Sau đó, Ú dùng tay phải cầm lấy 01 con dao rựa bằng kim loại dài 60cm (cán dài 34 cm, lưỡi dài 26 cm, đầu có móc nhọn) chém nhiều cái vào người của D1 tại khu vực nhà vệ sinh, theo hướng từ trên xuống, từ phải sang trái làm trúng vào vùng cổ, vai, sau tai, mặt và sau lưng của D1. Khi đó, D1 đưa hai tay lên vùng cổ để đỡ nên bị Ú chém trúng vào hai tay. Thấy D1 bị chảy nhiều máu, Ú vứt bỏ con dao ra chỗ rửa chén tại khu vực nhà bếp, rồi Ú tiếp tục dùng hai tay đánh vào vùng mặt và đầu của D1 làm cho D1 ngất xỉu nằm bất tỉnh. Tuy giữa Tạ Văn Ú và Phạm Thị D1 chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ với nhau nhưng xuất phát từ bản chất côn đồ, Ú đã dùng một con dao rựa bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém liên tiếp nhiều cái vào người của D1, trong đó có 02 vết thương nằm ở vùng sau tai và vùng cổ là vùng trọng yếu trên cơ thể con người; trong lúc thấy D1 bị chảy nhiều máu thì Ú không dừng lại đưa đi cấp cứu mà trái lại còn dùng hai tay tiếp tục đánh vào vùng mặt và đầu của D1 cho đến khi D1 nằm bất tỉnh và bỏ mặc bị hại đều này chứng tỏ bị cáo coi thường tính mạng người khác. Việc D1 không tử vong mà chỉ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 26% và nếu không cấp cứu kịp thời thì có thể dẫn đến tử vong là ngoài ý thức chủ quan của Ú. Như vậy, hành vi của bị cáo Tạ Văn Ú có đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng qui định pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Tạ Văn Ú là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm hại khách thể quan trọng nhất được pháp luật bảo vệ đó là tính mạng, sức khỏe của con người, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng trừng phạt, răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội có đầu thú; tại phiên tòa bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định Điều 15 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 57 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng cho bị cáo mức hình phạt là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét mức hình phạt áp dụng cho bị cáo theo đề nghị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, có thu giữ 01 con dao (rựa) dài 60 cm; cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 34 cm, đường kính 03 cm; lưỡi bằng kim loại cong về phần lưỡi dài 26 cm, đầu có móc nhọn, đây là vật chứng bị cáo dùng để phạm tội nên tịch thu và tiêu hủy là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 103.800.000 đồng gồm điều trị vết thương 20.200.000 đồng, tiền xe 5.600.000 đồng, tiền thẩm mỹ vết thương 15.000.000 đồng; tiền mất thu nhập 20.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng; tiền thẩm mỹ vết thương ở mũi lần 2, 3 là 33.000.000 đồng. Bị cáo có tác động con ruột là Tạ Thị Huỳnh N bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng; bị hại yêu cầu Ú tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 43.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo yêu cầu của bị hại, đây là sự tự nguyện của bị cáo, nên cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại Đúng số tiền 43.800.000 đồng là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Tạ Văn Ú phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn Ú phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; các điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 3 Điều 57; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn Ú 07 (B) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 5 năm 2023

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Tạ Văn Ú 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) con dao (rựa) dài 60 cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 34 cm, đường kính 03 cm, lưỡi bằng kim loại cong về phần lưỡi dài 26 cm, đầu có móc nhọn.

Vật chứng thu giữ đã được Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An quản lý theo Quyết định chuyên vật chứng số 374/QĐ-VKSLA-P2 ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 10 năm 2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Tạ Văn Ú có nghĩa vụ bồi thường số tiền 43.800.000 (Bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng về điều trị thương tích, mất thu nhập, tổn thất tinh thần và thẩm mỹ vết thương cho bà Phạm Thị D1.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Tạ Văn Ú phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.190.000 (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND Cấp cao tại TPHCM
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- STP tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Long An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng